TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH ĐỒNG NAI	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **45**/2020/HS-ST
Ngày: 21 - 07 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi

Ông Nguyễn Văn Chiến

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Quốc Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hương Sen – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 07 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 04 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXX-ST ngày 30/06/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đào Ngọc T, s**inh năm 1993, tại tỉnh L.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 6, khu phố M, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Phòng trọ nhà số 244, Tổ 6, Khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: Lớp 01/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đào Tấn L, đã chết; và con bà: Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1966. Có vợ Đặng Lê Tú U, sinh năm 1991 (không đăng ký kết hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2018.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 15/7/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội *"Cướp tài sản"* (hiện chưa đóng án phí).

Bị bắt ngày 15/7/2019, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1449/CQĐT ngày 23/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

- ***Người bào chữa cho bị cáo:*** Đào Ngọc T theo quy định của pháp luật – Luật sư Đỗ Văn V thuộc Công ty Luật Đ – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

2. Họ và tên: **Trần Xuân Th,** sinh ngày 05 tháng 8 năm 1988, tại tỉnh Đ.

Hộ khẩu thường trú: 24/7, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ học vấn: Lớp 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Đạo Thiên chúa. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T, sinh năm 1960 và con bà Hà Thị K, sinh năm 1963. Có vợ: Trần Thanh Ngọc H, sinh năm 1990 có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 15/7/2019, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1448/CQĐT ngày 23/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

- ***Người bào chữa cho bị cáo***: Đào Ngọc T và Trần Xuân Th theo yêu cầu – Luật sư Đỗ Văn V thuộc Công ty Luật Đ – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

3. Họ và tên: **Kim T.** Tên gọi khác: T Lủi, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1998, tại tỉnh Đ.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Không có.

Chỗ ở hiện nay: Ở trọ tại nhà số 244, Tổ 6, Khu phố 2, phường A, Thành phố B, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: Lớp 7/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Kim U, sinh năm 1972 và con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1976. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất và chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 09/8/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, thời hạn tù tính từ ngày 05/4/2016. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2018.

Bị bắt ngày 16/7/2019, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1450/CQĐT ngày 23/7/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

1. Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1966.

Trú tại: trú: Tổ 6, khu phố M, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ.

2. Bà Hà Thị K, sinh năm 1963.

Trú tại: 24/7, khu phố L, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

(Bị cáo T, Th, T, bà K, bà T và Luật sư bào chữa cho các bị cáo đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Ngọc T, Trần Xuân Th, Kim T là những người nghiện chất ma túy, trong đó Đào Ngọc T đã có tiền án về tội "Cướp tài sản"; Kim T đã có tiền án về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Để có tiền tiêu xài, ma túy sử dụng, từ ngày 15/6/2019 đến ngày 14/7/2019, Đào Ngọc T đã 03 lần đi đến khu vực Cầu V thuộc phường A, thành phố B, tỉnh Đ mua ma túy của một đối tượng N (không biết họ và địa chỉ) mang về sử dụng một ít và phân ra thành nhiều gói nhỏ bán cho những người nghiện cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 15/6/2019, T đi đến khu vực cầu V, phường A, thành phố B, tỉnh Đ mua 50 gam ma túy với số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, T đã 02 lần bán cho Kim T mỗi lần một gói ma túy với số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) vào các ngày 28/6/2019 và ngày 07/7/2019, số ma túy còn lại T sử dụng cho bản thân.

- Lần thứ hai: Vào ngày 10/7/2019, T đi đến khu vực Cầu V, phường A, thành phố B, tỉnh Đ mua 50gam ma túy với số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Sau đó, T đã 01 lần bán cho Kim T một gói ma túy với số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) vào ngày 11/7/2019, số ma túy còn lại T cất giữ.

- Lần thứ ba: Vào ngày 14/7/2019, T đi đến khu vực Cầu V, phường A, thành phố B, tỉnh Đ mua 01 gói ma túy với số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau đó, T đã 01 lần bán cho Kim T một gói ma túy với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Ngoài ra T còn bán cho Trần Xuân Th 10 lần, mỗi lần 01 gói ma túy với số tiền từ 200.000đ đến 300.000đ (Hai trăm đến ba trăm nghìn đồng).

Vào khoảng 21 giờ ngày 15/7/2019, T mang theo 50,0362gam ma túy loại Methamphetamine đã mua trước đó được gói trong hộp giấy màu đỏ đen, giấu

vào ống tay áo rồi nhờ Trần Xuân Th điều khiển xe mô tô biển số 60H1- 4221 của bà Hà Thị K (mẹ ruột Th) đi đến nhà Hoàng M (không rõ họ tên) ở khu phố 4, phường Th, thành phố B. Th thấy T mang theo một hộp giấy màu đỏ đen, bỏ vào ống tay áo. Khi đi đến khu vực nhà máy Cao su MiNa, thuộc Khu phố 7, phường A, thành phố B, thì gặp chốt Công an dừng xe kiểm tra vì T không đội mũ bảo hiểm. Th dừng xe, còn T lợi dụng lúc kiểm tra đã xuống xe và ném hộp ma túy vào vệ đường. Sau đó cả hai đi tiếp đến khu vực ngã tư V thì T nói cho Th biết việc T ném hộp giấy có ma túy xuống vệ đường và nói Th quay lại lấy ma túy cho T. T ngồi đợi bên đường, còn Th quay lại vị trí T chỉ tìm và nhặt hộp ma túy đưa T. T nói Th cất giữ và mang xe môtô vào bãi gửi xe của siêu thị Big-C để gửi rồi cả hai đón xe tắcxi đi giao ma túy cho Hoàng M. Sau khi gửi xe xong, Th cầm hộp giấy có ma túy giấu trong ống quần lên xe taxi ngồi cạnh T. Đến 22 giờ cùng ngày, T và Th xuống xe đi bộ đến trước nhà số 4B2, Tổ 4, Khu phố 4, phường Th, thành phố B thì bị Công an thành phố B kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ: 50,0362gam ma túy loại Methamphetamine; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số sim 0931255096 và số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Khám xét nơi ở của Đào Ngọc T tại nhà trọ số: 244, Tổ 6, Khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đ phát hiện và thu giữ: 7,3645gam ma túy loại Methamphetamine; 01 khẩu súng ngắn kiểu Rulo; 77 viên đạn; 01 cân điện tử; 01 bộ biển số xe 60M-9748; 200gam bịch túi nylong và số tiền 73.000.000đ (Bảy mươi ba triệu đồng).

Khám xét nơi ở của Kim T vào ngày 16/7/2019 Công an thành phố B bắt quả tang Kim T (T và Đào Ngọc T thuê nhà ở chung tại số 244 Tổ 6, Khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đ. T ở tầng trệt, còn T và vợ ở tầng 1), thu giữ: 10,9867gam ma túy loại Methamphetamine; 01 điện thoại di động hiệu OPPO số sim: 0933611671; 01 cân điện tử và số tiền 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra còn xác định: Vào khoảng tháng 4/2019 do có mâu thuẫn với Lưu Thành Quốc T, sinh năm 1981, ngụ tại: Tổ 9, khu phố T, phường Ph, thành phố B, tỉnh Đ trong việc mua bán đất nên T đã lên mạng Internet mua của người không rõ họ tên, địa chỉ một khẩu súng ngắn kiểu Rulo kèm 78 viên đạn với giá 3.700.000đ (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Đến ngày 22/4/2019, T sử dụng súng bắn một viên vào nhà T nhưng không gây thương tích cho T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã khám nghiệm hiện trường thu giữ 01 (một) mẩu kim loại. Sau khi sử dụng súng bắn vào nhà T, T tiếp tục cất giữ súng

và 77 viên đạn tại nhà, đến ngày 15/7/2019 T bị Cơ quan Công an bắt và khám xét nhà thu giữ khẩu súng cùng 77 viên đạn.

* Tại Bản kết luận giám định số 2210/C09B ngày 26/4/2019 Phân viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

- Mẫu kim loại gửi đến giám định là đầu đạn của loại đạn cỡ (5,6 x 15)mm.

- Đạn cỡ (5,6x15)mm sử dụng cho các loại súng quân dụng TOZ 8 (Russia), Frommer Type M-29 (Hungary); Galesi Mod. 503 A (Italy).., súng thể thao, súng chế tạo thủ công có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng (súng ổ quay, súng bút).

- Sử dụng loại đạn nêu trên bắn vào cơ thể người có thể gây thương tích hoặc tử vong.

* Tại bản Kết luận giám định số 3599/C09B, ngày 09 tháng 8 năm 2019, của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

- Khẩu súng gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm đã thay đổi cấu tạo để bắn đạn cỡ (5,6 x 15)mm; hiện tại súng không bắn được, không có khả năng sát thương và không phải là vũ khí quân dụng.

- 77 viên đạn gửi giám định là đạn cỡ (5,6 x 15)mm, sử dụng cho súng thể thao như: TOZ 8 (Nga), Anschutz (Đức), Walther (Đức)..; Súng quân dụng như: Frommer Type M-29 (Hungary), Galesi Mod. 503 A (Italy)..; Súng chế tạo thủ công như: súng ổ quay, súng bút, súng đồ chơi nguy hiểm đã thay đổi cấu tạo.

- Sử dụng súng phù hợp bắn loại đạn nêu trên vào cơ thể người có thể gây thương tích hoặc tử vong.

Không đủ cơ sở xác định khẩu súng thu của Đào Ngọc T có bắn ra đầu đạn gửi kèm theo Quyết định Trưng cầu giám định số 1032 và kết luận giám định số 2210/C09B của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố B.

* Tại bản kết luận giám định số 722/KLGĐ-PC09 ngày 22/7/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận:

- Mẫu tinh thể màu trằng được niêm phong (kí hiệu M1) gởi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 50,0362gam loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (kí hiệu M2) gởi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 7,3645gam loại Methamphetamine.

- Mẫu tinh thể màu trắng được niêm phong (kí hiệu M3) gởi đến giám định là ma túy, có khối lượng: 10,9867gam loại Methamphetamine.

* Tại Cáo trạng số 300/CT-VKS-P1 ngày 10 tháng 03 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Đào Ngọc T về tội *"Mua*

bán trái phép chất ma túy"; "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Trần Xuân Th về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Truy tố bị cáo Kim T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đào Ngọc T về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*" theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 và khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

- Truy tố đối với bị cáo Trần Xuân Th và Kim T về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* theo khoản 2 và 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với các bị cáo và đề xuất mức án đối với các bị cáo như sau:

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 304, điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 Bộ Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đề xuất mức án đối với bị cáo Đào Ngọc T từ 17 (mười bảy) đến 19 (mười chín) năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy*" và từ 01 (một) đến 02 (hai) năm tù về tội *"Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"* ;

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Đào Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung từ 18 (mười tám) đến 21 (hai mốt) năm tù.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đề xuất mức án đối với bị cáo Trần Xuân Th từ 06 (sáu) đến 08 (tám) năm tù.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Đề xuất mức án đối với bị cáo Kim T từ 05 (năm) đến 07 (bảy) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tU xử lý toàn bộ vật chứng đã được thu giữ gồm:

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước:

01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, kèm sim số 0931255096, bị cáo T dùng liên lạc với đối tượng Ny, Kim T và Hoàng Mập để mua bán ma túy;

01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, kèm số sim 0933011671, bị cáo T dùng để liên lạc với Đào Ngọc T mua ma túy;

Số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi lăm triệu đồng) thu của bị cáo T, đây là tiền của T dùng để hoạt động phạm tội mua bán ma túy;

Số tiền 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm ngàn đồng) thu của bị cáo Kim T, đây là tiền của bị cáo dùng để hoạt động phạm tội nên đề nghị tịch thu sung công quỹ.

- Tịch thu chuyển Cơ quan Quân sự quản lý 01 (một) khẩu súng ngắn cùng 77 viên đạn.

- Trả lại bà Hà Thị K (mẹ ruột Th) chiếc xe môtô biển số 60H1- 4221 do bà K đứng tên chủ sở hữu cho Th mượn sử dụng làm phương tiện đi lại, không liên quan đến vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định cùng 02 (hai) cân điện tử và 200gam loại túi nylong Zip pơ, 01 (một) cặp biển số 60M-9748.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đào Ngọc T và Trần Xuân Th tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các T tiết trong vụ án như:

Đối với bị cáo Đào Ngọc T: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định bị cáo Đào Ngọc T không thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy như cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai đã truy tố. Tại phiên tòa bị cáo Đào Ngọc T chỉ thừa nhận giữa bị cáo và bị cáo Th, bị cáo T là bạn bè chơi với nhau, mỗi lần bị cáo Th đến bị cáo T đều cho bị cáo Th sử dụng chung và bị cáo Th có đưa tiền cho bị cáo T để mua trái cây. Riêng bị cáo Kim T có góp chung tiền để bị cáo T đi mua ma túy đem về để bị cáo T và bị cáo T sử dụng chung. Bị cáo T không thực hiện hành vi bán ma túy cho bị cáo Th và bị cáo T. Do vậy, hành vi của bị cáo Đào Ngọc T không cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" như cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Trong quá trình điều tra T có khai đem ma túy bán cho Hoàng M và bị bắt quả tang, nhưng cơ quan điều tra không xác định được Hoàng M là ai, mà chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo T là không có cơ sở. Từ đó cho thấy hành vi của bị cáo Đào Ngọc T chỉ phạm vào tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

Đối với hành vi *"Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"* mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai quy kết cho bị cáo T là không có cơ sở, bởi lẽ hành vi trên đã được Cơ quan điều tra Công an thành phố B đã ra quyết

định đình chỉ vụ án do không có dấu hiệu hình sự và ra quyết định xử phạt hành chính đối với Đào Ngọc T. Việc cơ quan điều tra giám định 77 viên đạn là vũ khí quân dụng có thể gây ra sát thương nhưng không có căn cứ nào để xác định sẽ gây ra sát thương. Do vậy, không thể xác định bị cáo T có hành vi *"Tàng trữ vũ khí quân dụng"*. Việc truy tố bị cáo về tội danh trên là không có cơ sở.

Đối với 75.000.000đ thu giữ tại nhà trọ của bị cáo Đào Ngọc T và trong người bị cáo, trong suốt quá trình điều tra bị cáo không thay đổi lời khai và đều xác định số tiền trên do bà Nguyễn Thị Minh T là mẹ bị cáo cho để bị cáo xây nhà, việc bà T khai tại cơ quan điều tra xác định số tiền trên không phải của bà mà của bị cáo với mục đích để giảm nhẹ tội cho bị cáo, nhưng thực chất số tiền trên là của bà T. Do đó, không thể khẳng định số tiền trên do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên việc thu giữ số tiền trên là không có cơ sở.

Đối với bị cáo Trần Xuân Th: Tại phiên tòa, bị cáo Th xác định đến nhà bị cáo T chơi với mục đích sử dụng chung ma túy với bị cáo T, việc bị cáo T kêu bị cáo Th chở bị cáo T đi công việc và bị cáo Th không biết bị cáo T đem ma túy đi theo, bị cáo Th chỉ giúp bị cáo T nhặt và cầm hộ gói giấy và bị cáo Th không biết đó là ma túy. Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Th về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy*" không có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại.

Từ những vấn đề trên, hành vi của bị cáo T không đủ căn cứ để xác định bị cáo thực hiện hành vi *"Mua bán trái phép chất ma túy"* hay tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* và số tiền 75.000.000đ thu giữ tại nhà trọ của bị cáo T, cơ quan điều tra không có căn cứ xác định số tiền trên là của bị cáo T do bị cáo dùng để sử dụng vào việc mua bán trái phép ma túy hay số tiền đó của bà T.

Đề nghị Hội đồng xét xử Trả hồ sơ để điều tra bổ sung để xác định hành vi phạm tội của Đào Ngọc T và làm rõ số tiền thu giữ tại nhà bị cáo có phải do bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội hay không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tống đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị

cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

[2] Về nội dung: Từ 15/6/2019 đến ngày 14/7/2019, tại địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Đào Ngọc T, Trần Xuân Th và Kim T đã có hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần cho các con nghiện để lấy lời, nguồn mà túy có được do bị cáo Đào Ngọc T mua của một đối tượng tên N (không biết họ và địa chỉ) tại khu vực cầu V thuộc phường A, thành phố B, tỉnh Đ, từ ngày 15/07/2019 đến ngày 16/07/2019, lần lượt cáo bị cáo bị cơ quan Điều tra Công an tỉnh Đồng Nai bắt giữ cùng toàn bộ tang vật vụ án.

[2.1] Trong suốt quá trình điều tra cả ba bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo Đào Ngọc T phủ nhận toàn bộ lời khai trong quá trình điều tra và cho rằng bị cáo không "Mua bán trái phép chất ma túy" mà của bị cáo chỉ thực hiện hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Riêng số ma túy khi cơ quan điều tra bắt giữ thu được khi bắt quả tang bị cáo là số ma túy bị cáo nhờ Th chở bị cáo đi công chuyện với mục đích đem theo để sử dụng, Th không biết bị cáo mang theo ma túy. Bị cáo không thực hiện việc mua bán ma túy cho Trần Xuân Th và Kim T như Kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố. Việc bị cáo khai nhận tại cơ quan điều tra có bán ma túy cho Kim T và cho Th cũng như việc bị cáo khai đem ma túy để bán cho Hoàng Mập do bị cáo bị Điều tra viên ép cung và bức cung bị cáo.

Riêng đối với các bị cáo Trần Xuân Th, và Kim T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình: Do các bị cáo là bạn bè nên thường xuyên cùng Đào Ngọc T sử dụng chung ma túy, nguồn ma túy các bị cáo sử dụng chung là của bị cáo T, sau mỗi lần sử dung ma túy các bị cáo đều đưa tiền cho T. Ngoài ra để có ma túy sử dụng bị cáo Kim T thừa nhận đã nhiều lần đưa tiền cho Đào Ngọc T mua hộ ma túy, cũng có lần bị cáo góp tiền với Đào Ngọc T cùng đi mua ma túy của tên N đem về với mục đích sử dụng. Lời khai nhận của các bị cáo Trần Xuân Th và Kim T trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, kết quả giám định hàm lượng ma túy, biên bản bắt quả tang, biên bản khám xét, biên bản thu nhận vật chứng và biên bản đối chất giữa các bị cáo trong vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận; Việc khai báo của bị cáo Đào Ngọc T tại phiên tòa hôm nay là không có cơ sở chấp nhận.

Hành vi của bị cáo Đào Ngọc T đã phạm vào tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* quy định tại Điều 251 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, trong giai đoạn điều tra cơ quan điều tra khám xét thu giữ tại nơi ở của bị cáo Đào Ngọc T 01 khẩu súng và 77 viên đạn. Tại bản Kết luận giám định số 3599/C09B, ngày 09 tháng 8 năm 2019, của Phân viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm đã thay đổi cấu tạo để bắn đạn cỡ (5,6 x 15)mm; hiện tại súng không bắn được, không có khả năng sát thương và không phải là vũ khí quân dụng. Riêng 77 viên đạn được giám định là đạn cỡ (5,6 x 15)mm, sử dụng cho súng thể thao như: TOZ 8 (Nga), Anschutz (Đức), Walther (Đức)..; Súng quân dụng như: Frommer Type M-29 (Hungary), Galesi Mod. 503 A (Italy). Sử dụng súng phù hợp bắn loại đạn nêu trên vào cơ thể người có thể gây thương tích hoặc tử vong. Do đó, hành vi của bị cáo còn phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"* quy định tại Điều 304 Bộ luật hình sự; Riêng hành vi của các bị cáo Trần Xuân Th và bị cáo Kim T phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố.

[2.2] Ma túy là chất gây nghiện, người nghiện ma túy bị ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần, ngoài ra ma túy còn là ngU nhân của các tội phạm khác. Do vậy, Nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy nhằm tạo môi trường sống, học tập, lao động lành mạnh cho cộng đồng. Bản thân các bị cáo nhận thức được ma túy là một loại chất cấm lưu hành và do Nhà nước độc quyền quản lý, nhưng các bị cáo đã bất chấp sự ngăn cấm của pháp luật để thực hiện hành vi tàng trữ, mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm và đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý ma túy của Nhà nước, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của cộng đồng, tác động rất xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Do vậy, đối với các bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với tính chất đồng phạm giản đơn. Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

[3.1] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đào Ngọc T: Bị cáo là người trực tiếp mua ma túy nhiều lần sau đó bị cáo đem về phân nhỏ bán cho bị cáo Kim T 04 lần mỗi lần 01 gói ma túy với giá từ 1.700.000đ *(Một triệu bảy trăm nghìn)*

đến 3.000.000đ *(Ba triệu đồng);* Bị cáo trực tiếp bán cho bị cáo Trần Xuân Th 10 lần, mỗi lần 01 gói ma túy, với giá từ 200.000đ *(Hai trăm nghìn)* đến 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 15/07/2019 bị cáo đem 50,0362gam ma túy loại Methamphetamine để bán cho một người tên Hoàng M thì bị bắt quả tang. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm trên tổng số ma túy được thu giữa là 68.3874gam loại methamphetamin. Hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này được xem xét đánh giá toàn diện trong các mối quan hệ với các chứng cứ khác để xác định đúng bản chất của vụ án. Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Về nhân thân, bị cáo có một tiền án vào ngày 17/05/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt mức án 02 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Cướp tài sản"* bị cáo chưa chấp hành xong về phần biện pháp tư pháp, nay bị cáo lại phạm tội mới đặc biệt nghiêm trọng nên đã phạm vào tình tiết *"Tái phạm nguy hiểm*" và bị cáo *"Thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần"* được quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo còn tàng trữ trái phép 77 viên đạn là vũ khí quân dụng do Nhà Nước quản lý. Do vậy, đối với bị cáo cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, phù hợp với tính chất mức độ và hành vi của bị cáo đã gây ra, cần tổng hợp hình phạt của hai tội để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

[3.2] Đối với bị cáo Trần Xuân Th và bị cáo Kim T các bị cáo đều là người nghiện ma túy, với mục đích có ma túy để sử dụng, các bị cáo là người trực tiếp mua ma túy nhiều lần của Đào Ngọc T, trong đó bị cáo T mua ma túy của bị cáo T 04 lần với mục đích để sử dụng, quá trình khám xét thu giữ của bị cáo T 10,9867gam ma túy loại Methamphetamine. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm về số lượng ma túy nói trên. Về nhân thân vào ngày 09/08/2016, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*", đến ngày 27/04/2018 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nay bị cáo lại phạm tội mới nên đã phạm vào tình tiết *"Tái phạm*" được quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Do đó, đối với bị cáo cần áp dụng mức hình phạt phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Xuân Th là người trực tiếp mua ma túy của bị cáo Đào Ngọc T để sử dụng 10 lần. Vào ngày 15/7/2019, bị cáo có hành vi tàng trữ 01 gói ma túy có số lượng 50,0362gam loại Methamphetamine thì bị bắt quả tang. Vì vậy, đối với bị cáo cũng cần áp dụng mức hình phạt phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện.

[4]. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Đối với bị cáo Đào Ngọc T: Bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào bởi lẽ: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo luôn quanh co không ăn năn, hối cải, khai báo mâu thuẫn nhau nhằm trốn tránh trách nhiệm của mình, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

[4.2]. Đối với bị cáo Kim T: Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4.3]. Đối với bị cáo Trần Xuân Th: Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án, phạm tội với vai trò thứ yếu. Về nhân thân, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình có vợ nhưng hiện nay đã ly thân và bỏ đi khỏi địa phương không rõ nơi sinh sống, có hai con còn nhỏ hiện bị cáo phải nuôi dưỡng. Các tình tiết nêu trên của được quy định tai điểm s, t khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt của điều luật quy định tạo cơ hội để bị cáo có điều kiện cải tạo tốt để sớm trở về làm người có ích cho xã hội và nuôi con.

[5]. Biện pháp tư pháp:

+ Đối với số tiền 75.000.000đ (Bảy mươi năm triệu đồng) cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo bị cáo Đào Ngọc T. Trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo cho rằng số tiền này là của mẹ bị cáo là bà Nguyễn Thị Minh T đưa cho vợ bị cáo là Đặng Lê Tú U giữ cho bị cáo để mua đất làm nhà. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bà T xác định bà là người đi làm nông chỉ đủ điều kiện nuôi sống cho bản thân nên bà không có số tiền trên để đưa cho bị cáo, bà chỉ cho bị cáo số tiền 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng) vào khoảng năm 2018 để bị cáo mua đất nhưng do bị cáo bị người bán đất lừa mất, bị cáo đã đòi người bán đất trả lại số tiền trên nhiều lần nhưng không đòi được dẫn đến việc bị cáo đem súng đến bắn vào nhà của người bán đất. Chị U cũng xác định tại cơ quan điều tra chị không có số tiền trên và bà T mẹ bị cáo chưa bao giờ đưa cho chị số tiền trên để cất giữ cho bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bà T cho rằng sở dĩ tại cơ quan điều tra bà khai số tiền trên không phải của bà với mục đích để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thực chất số tiền trên do các con bà góp lại đưa cho bà để cho bị cáo với mục đích để bị cáo mua đất làm

nhà. Do vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bà số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy việc lời khai của bị cáo và bà T về số tiền nêu trên là của bà T là không có cơ sở, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp để tạo ra được số tiền nói trên, mà số tiền trên do bị cáo thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà có, do vậy cần tịch thu sung công.

+ Đối với số tiền mà cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Kim T 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăn nghìn). Tại phiên tòa bị cáo T cũng cho rằng đây là số tiền của bị cáo do làm ăn mà có không liên quan đến việc phạm tội của cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét thấy trước khi bị cáo bị cơ quan điều tra bắt bản thân bị cáo không có công ăn việc làm để tích lũy được số tiền trên, bị cáo cũng không chứng minh được số tiền trên không liên quan đến việc phạm tội. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận mà cần tịch thu sung công quỹ Nhà Nước đối với số tiền 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăn nghìn).

+ Đối với 01 chiếc xe môtô biển số 60H1-4221 do bà Hà Thị K mẹ bị cáo Th đứng tên chủ sở hữu, cho Th mượn sử dụng bà K không biết Th sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội. Hội đồng xét xử tU trả cho bà K.

+ Đối với 01 khẩu súng ngắn là súng đồ chơi nguy hiểm đã thay đổi cấu tạo để bắn đạn cỡ (5,6 x 15)mm; hiện tại súng không bắn được, không có khả năng sát thương và không phải là vũ khí quân dụng cùng 77 viên đạn đây là số vũ khí quân dụng do T tàng trữ trái phép, cần tịch thu chuyển cho cơ quan quân sự quản lý.

+ Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, kèm sim số 0931255096, bị cáo T dùng liên lạc với đối tượng N, Kim T và Hoàng M để mua bán ma túy; 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, kèm số sim 0933011671, bị cáo T dùng để liên lạc với Đào Ngọc T mua ma túy nên cần tịch thu sung công.

+ Tịch thu tiêu hủy vật chứng gồm: Số ma túy còn lại sau giám định cùng 02 (hai) cân điện tử và 200gam loại túi nylong Zip pơ, 01 (một) cặp biển số 60M-9748.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7] Lời bào chữa của luật sư cho bị cáo T và bị cáo Th tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được Hội đồng xét xử xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- TU bố các bị cáo: Đào Ngọc T phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* và tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*", các Bị cáo Trần Xuân Th và bị cáo Kim T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy".*

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 251, khoản 1 Điều 304, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 58 và Điều 55 Bộ Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt bị cáo **Đào Ngọc T: 17 (mười bảy)** năm tù, về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và **01 (một) năm** tù về tội "*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"*.

2. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Đào Ngọc T phải chấp hành hình phạt chung là **18 (mười tám)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 15/07/2019.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

3. Xử phạt bị cáo **Trần Xuân Th: 06 (sáu)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/07/2019.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 249, điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

4. Xử phạt bị cáo **Kim T (T lủi): 06 (sáu)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/07/2019.

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

5.1. **Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước gồm các tài sản sau**:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà Nước 87.300.000đ *(Tám mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng).*

+ Tịch thu sung công 01 diện thoại Nokia màu đen kèm theo sim, 01 điện thoại Oppo màu đen kèm theo sim.

+ Tịch thu và giao cho cơ quan quân sự quản lý 01 khẩu súng Rulo tự chế, số hiệu 18TH2695 (Ngoài thân súng) C730A (Bên trong súng), 77 viên đạn 5,8x15mm sử dụng cho súng quân dụng.

5.2. **Tịch thu tiêu hủy:**

+ 01 gói niêm phong số 722/KLGĐ-PC09 ngày 22/07/2018;

+ 02 cân điện tử mini;

+ 200 gam loại túi nilong Zip pơ.

+ 01 cặp biển số 60M-9748.

5.3. **Tuyên trả cho đương sự các tài sản sau**:

Trả cho bà Hà Thị K 01 xe môtô biển số 60H1 - 4221 nhãn hiệu honda Weva màu sơn xanh, số loại C110, dung tích xi lanh 108. *(Toàn bộ tang vật trên theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản theo phiếu nhập kho NK20/033 ngày 10/03/2020 và phiếu Ủy nhiệm chi, chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 03 ngày 20/03/2020).*

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền làm đơn kháng cáo bản án theo quy định.

Nơi nhận:
- Bị cáo (3);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Người bào chữa (2);
- VKSND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra - CA tỉnh ĐN (PC45);
- Cơ quan THA hình sự
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN(2);
- Lưu (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Kiều Lương